**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 8 HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2023-2024**

**PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**I. Phần văn bản**

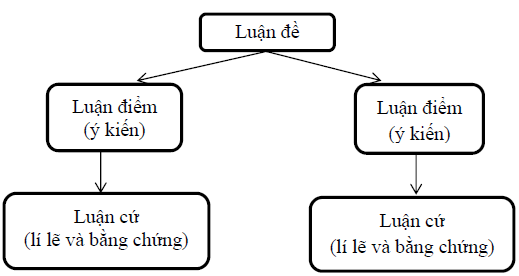
**1. Đặc điểm văn bản nghị luận**

**1.1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**

- *Luận đề* là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.

- *Luận điểm* là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

Trong văn nghị luận, luận đề được làm sáng tỏ bằng hệ thống luận điểm và các lí lẽ, bằng chứng



**1.2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.**

- *Bằng chứng khách quan* là những thông tin khách quan (bằng chứng, số liệu, thời gian, nơi chốn,con người, sự kiện, …). Có thể xác định tính đúng, sai dựa vào thực tế, kiểm chứng được.

- *Ý kiến, đánh giá chủ quan* là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết (quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủquan về sự việc, hiện tượng, có thể diễn đạt bằng các cụm từ như: *tôi cho* *rằng, tôi thấy,...)* thườngcó ít cơ sở để kiểm chứng.

- Để làm nên sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, những *ý kiến, đánh giá chủ quan* của ngườiviết cần dựa trên cơ sở các *bằng chứng khách quan.*

- Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng:

+ Lí lẽ, bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm. + Luận điểm làm sáng tỏ luận đề.

**2. Đặc điểm truyện cười:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Yếu tố trong truyện cười* | *Đặc điểm* |
| Cốt truyện | Thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười. |
| Bối cảnh | Thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hóa, phong tục gắn với từng truyện. |
| Nhân vật | Thường có hai loại:  - Loại 1: Những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lười biếng, tham ăn, keo kiệt,... hoặc mang thói xấu gắn với bản chất của một tầng lớp cụ thể.  - Loại 2: Những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiến hoặc dùng khiếu hài hước để thể hiện niềm vui sống, tinh thần lạc quan trước sự trù phú của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sống mang lại. |
| Ngôn ngữ | Thường ngắn gọn, súc tích, hài hước mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn,… |
| Các thủ pháp gây cười | Một số thủ pháp thường gặp:  - Tạo tình huống trào phúng bằng một trong hai cách sau hoặc kết hợp cả 2 cách:  + Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, giữa thật và giả, giữa lời nói và hành động,...  + Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật tạo nên những liên tưởng, đối sánh bất ngờ, hài hước, thú vị.  - Sử dụng các biện pháp tu từ giàu tính trào phúng (lối nói khoa trương, phóng đại, chơi chữ,...) |

**3. Chủ điểm và các văn bản nghị luận đã học:**

**Bài 3 - Chủ điểm: Sự sống thiêng liêng**

**-** *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* (Xi-át-tô)

**-** *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu* (Vũ Nho)

**-** *Bài ca Côn Sơn* (Nguyễn Trãi)

**-** *Lối sống đơn giản-Xu thế của thế kỉ XXI* (Chương Thâu)

**Bài 4 - Chủ điểm: Sắc thái tiếng cười**

**-** *Vắt cổ chày ra nước*

**-** *May không đi giày*

**-** *Khỏe của*

**-** *Con rắn vuông*

**-** *Tiếng cười có lợi ích gì?*

**-** *Văn hay* ***\* Yêu cầu:***

**-** Thể loại văn nghị luận:

+ Những đặc điểm của văn nghị luận được thể hiện qua văn bản cụ thể: luận đề; luận điểm; bằng chứng khách quan; ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

+ Phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng ở văn bản cụ thể.

+ Tìm được những văn bản ở “Bài 3” (*SGK Ngữ văn 8, Chân trời sáng tạo*) có cùng thể loại, cùng chủ điểm.

**-** Thể loại Truyện cười:

+ Những đặc điểm của truyện cười được thể hiện cụ thể qua văn bản: mục đích; cốt truyện; nhân vật; ngôn ngữ; các thủ pháp gây cười.

+ Hiểu đề tài; ý nghĩa chi tiết tiêu biểu (lời thoại); bài học rút ra cho bản thân trong văn bản cụ thể.

+ Tìm được những văn bản ở “Bài 4” (*SGK Ngữ văn 8, Chân trời sáng tạo*) có cùng thể loại, cùng chủ điểm, cùng đề tài, cùng chủ đề (mục đích).

**II. Phần Tiếng Việt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Kiến thức*** | ***Khái niệm/đặc điểm*** | ***Chức năng - Phân loại - Lưu ý - Ví dụ*** | |
| ***Nghĩa tường minh***  ***Nghĩa hàm ẩn*** | *Nghĩa tường minh* là phần thông báo được thể hiện tực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.  - *Nghĩa hàm ẩn* là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập. | Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hằng ngày. | Ví dụ: “*Uống nước nhớ nguồn*”  - Nghĩa hiểu trực tiếp trên bề mặt câu chữ: *Khi được uống dòng nước mát thì hãy nhớ người khai thông dòng nước.*  → Nghĩa tường minh  - Nghĩa mà câu tục ngữ muốn đề cập đến: *Khi đang được thừa hưởng và sử dụng thành quả, công lao của người đi trước thì phải luôn biết ơn, trân trọng những người đã mang lại thành quả đó.*  → Nghĩa hàm ẩn |
| ***Trợ từ*** | Là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu. | - Trợ từ nhấn mạnh (những, chính, mỗi, ngay…) thường đứng trước các từ ngữ được nhấn mạnh.  - Trợ từ tình thái (à, ạ, nhỉ, nhé, nha, nhen, đấy, này…) thường đứng đầu hoặc cuối câu để tạo câu cầu khiến, câu nghi vấn, câu cảm thán. | Ví dụ:  *Má đưa cho tôi những mười tờ một trăm, bảo mua ngay một chồng vở mới.*  *Bác này lí luận hay nhỉ!* |
| ***Thán từ*** | Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình | Thán từ bộc lộ tình cảm cảm xúc (*a, ái, ơ,* | Ví dụ  - *Ôi những cánh đồng quê* |
|  | cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. | *ôi, ô hay, than ôi, trời ơi,…*)  Thán từ gọi đáp (*này, ơi, vâng, dạ, ừ, …)*  \* Lưu ý: Thán từ đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt. | *chảy máu*  *Dây thép gai đâm nát trời chiều...*  (“*Đất nư*ớc”)  - *Dạ, bẩm đức ông, anh em chúng tôi xin bái tạ ơn người.* |

**\* Yêu cầu:** - Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu:

+ Phân biệt được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.

+ Xác định câu mang nghĩa hàm ẩn và xác định nghĩa hàm ẩn của câu.

+ Đặt câu có chứa nghĩa hàm ẩn theo yêu cầu.

- Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ:

+ Nhận diện trợ từ, thán từ và chức năng cụ thể của chúng. + Đặt câu có sử dụng trợ từ, thán từ theo yêu cầu.

**III. Phần Tập làm văn:**

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

# Dàn ý

***1. Mở bài:***

Giới thiệu vấn đề cần bàn luận và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về vấn đề ấy.

***2. Thân bài:***

Giải thích vấn đề cần bàn luận; đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể lí giải cho ý kiến của người viết; sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí; đưa ra được bằng chứng đa dạng, cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ; xem xét vấn đề từ nhiều phía để nội dung bài viết được toàn diện.

***3. Kết bài:***

Khẳng định lại ý kiến, đưa ra bài học nhận thức và phương hướng hành động.

# PHẦN 2. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

***- Hình thức: Tự luận***

**1. Đọc - hiểu**: 4.0 điểm (Văn bản 3.5 đ; tiếng Việt 0.5 đ)

- Văn bản thuộc thể loại văn nghị luận, truyện cười **(*Chọn******ngữ liệu ngoài SGK*)**

- Tiếng Việt: Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ:

+ Thể loại.

+ Tìm văn bản cùng thể loại, cùng chủ điểm, cùng đề tài, cùng chủ đề.

+ Nhận diện đặc điểm thể loại văn nghị luận: luận đề; luận điểm; bằng chứng khách quan; ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết; ý nghĩa (tác dụng) của chi tiết.

+ Nhận diện đặc điểm thể loại truyện cười: đề tài, cốt truyện, nhân vật, các thủ pháp gây cười, chủ đề (mục đích), bài học rút ra cho bản thân. Ý nghĩa chi tiết, lời thoại trong văn bản.

+ Nhận diện nghĩa hàm ẩn; nhận diện trợ từ, thán từ và chức năng cụ thể của chúng trong ngữ cảnh.

**2. Vận dụng:** 1.0 điểm

- Đặt câu có chứa nghĩa hàm ẩn; sử dụng trợ từ theo yêu cầu.

**3. Vận dụng cao:** 5.0 điểm

Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 – 700 chữ) về một vấn đề của đời sống.

**\* Lưu ý:**

*- Vấn đề bàn luận thuộc lĩnh vực môi trường, quan hệ giữa môi trường thiên nhiên với con người. - Đề mở.*

# PHẦN 3: THỰC HÀNH

**I. Đọc-hiểu văn bản:**

**Câu 1. Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu dưới đây:**

*Không cần ngôn ngữ, mọi sự sống nhỏ nhoi trong tự nhiên đều dạy cho loài người chúng ta biết tầm quan trọng của việc “sống hết mình ở thời khắc này". Chẳng hạn tại vùng Tsunoda thuộc Bắc cực, giữa mùa hè ngắn ngủi, các loài thực vật đua nhau nảy mầm, nở thật nhiều hoa, kết hạt, chen chúc vươn mình trong khoảng không với mảnh đời thật ngắn ngủi. Có lẽ chúng chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với mùa đông dài khắc nghiệt sắp tới và phó thác sinh mạng mình cho tự nhiên. Ôi, chúng thực sự sống hết mình cho hiện tại, không ảo tưởng, không phân tâm****. Ngay cả ở vùng sa mạc khô cằn Sahara, nơi mà mỗi năm chỉ có một hai cơn mưa, nhưng mỗi khi có những giọt nước mưa hiếm hoi trút xuống thì các loài thực vật lại vội vã nảy mầm và nở hoa. Và trong khoảng thời gian từ một đến hai tuần ngắn ngủi, chúng ra hạt, oằn mình chịu đựng trong cát, trong cái nóng như thiêu như đổt, tiếp tục sống chờ đến trận mưa sau để nòi giống của chủng sẽ lại trỗi dậy ...Quả thật là muôn loài trong tự nhiên đều sống hết mình, sống nghiêm túc trong từng khoảnh khắc, trong suốt khoảng thời gian sống được hạn định.***

(Trích *Cách sống: từ bình thường trở nên phi thường, Inamori Kazuo,* NXB Lao động, 2020, tr.103-104)

1.1. Nội dung đoạn trích trên liên quan đến chủ điểm nào mà em đã học? Kể tên một văn bản (em đã học trong chương trình SGK lớp 8, học kì 1) có cùng chủ điểm với đoạn trích trên?

1.2. Xác định luận điểm của đoạn trích?

1.3. Tìm câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn in đậm?

1.5. Xác định một trợ từ, một thán từ trong văn bản trên.

**Câu 2. Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu dưới đây:**

***HAI KIỂU ÁO***

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ? Quan lớn ngạc nhiên:*

*- Nhà ngươi biết để làm gì?*

*Người thợ may đáp:*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo:*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

*(Truyện cười dân gian Việt Nam,* Theo Trường Chính - Phong Châu kể *- TruyenDanGian.Com )*

2.1. Văn bản trên thuộc thể loại nào? Kể tên một văn bản khác ở “Bài 4”, sách “Chân trời sáng tạo” Ngữ văn 8, HKI cùng thể loại với văn bản này.

2.2. Đề tài của văn trên là gì?

2.3. Chỉ ra cụ thể một “thủ pháp gây cười” mà tác giả dân gian đã sử dụng trong văn bản trên.

2.4. Qua văn bản, em rút ra bài học gì cho bản thân?

2.5. Nội dung nghĩa hàm ẩn thể hiện trong câu nói: “*Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại*” là gì?

**II. Phần vận dụng**

**Câu 1. Đặt câu có sử dụng nghĩa hàm ẩn trong các tình huống sau:**

1.1. Bộc lộ tình yêu niềm tự hào đối với quê hương đất nước.

1.2. Từ chối lời nhờ vả của bạn mà không mất lòng bạn.

1.3. Góp ý cách ăn mặc chưa hợp với lứa tuổi của bạn.

**Câu 2. Đặt câu có trợ từ hoặc thán từ**

2.1. Với ý khuyên các bạn siêng năng đọc sách.

2.2. Giới thiệu một hoạt động ngoại khóa ở trường em.

2.3. Ý nghĩa của tiếng cười trong cuộc sống

**Câu 3: Viết một văn bản nghị luận bàn về một vấn đề đời sống mà em quan tâm.**Bàn luận về hiện tượng xả rác bừa bãi

Bàn luận về ý kiến “Tuổi trẻ cần có trách nhiệm bảo vệ môi trường sống”.

Bản về vấn đề tiết kiệm điện, nước - nên hay không nên?

Bàn về vần đề bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của chúng ta. Bàn về bảo vệ nguồn nước sạch

…..

# PHẦN 4: ĐỀ THAM KHẢO

# Đề 1

**I. Đọc - hiểu (4.0 điểm). Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

*“Bạn biết chăng, thế gian này có điều kì diệu, đó là không ai có thể là bản sao 100% của ai cả. Bởi thế, bạn là độc nhất, tôi cũng là độc nhất. Chúng ta là những con người độc nhất vô nhị, dù ta đẹp hay xấu, tài năng hay vô dụng, cao hay thấp, mập hay ốm, có năng khiếu ca nhạc hay chỉ biết gào như vịt đực.*

*Vấn đề không phải là vịt hay thiên nga. Vịt có giá trị của vịt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga. Vấn đề không phải là hơn hay kém, mà là sự riêng biệt. Và bạn phải biết trân trọng chính bản thân mình. Người khác có thể đóng góp cho xã hội bằng tài kinh doanh hay năng khiếu nghệ thuật, thì bạn cũng có thể đóng góp cho xã hội bằng lòng nhiệt thành và sự lương thiện.*

***Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”.***

*Hơn thế nữa, nếu bạn thực sự tự tin, bạn cũng sẽ biết tôn trọng người khác. Bởi nếu bạn đã hiểu được giá trị của bản thân, chắc chắn bạn sẽ hiểu được giá trị của mỗi người bạn gặp. Bạn sẽ nhìn thấy sự giống nhau giữa một ca sĩ nổi tiếng và một người quét rác vô danh, giữa một doanh nhân xuất khẩu hàng nghìn tấn thủy sản và một bà cụ bán cá tươi trong chợ. Bạn sẻ trân trọng những người đó như nhau.*

*Bản thân mỗi chúng ta là giá trị có sẵn. Nếu bạn muốn có một cơ sở để xây dựng lòng tự tin thì hãy bắt đầu từ đó – từ chính bản thân mình.*

(*Bản thân chúng ta là những giá trị có sẵn* – Phạm Lữ Ân)

**1.1.** Đoạn trích trên thuộc thể loại nào? Kể tên một văn bản (em đã họctrong chương trình học kì 1, SGK Ngữ văn lớp 8, Chân trời sáng tạo) có cùng thể loại với văn bản trên?

**1.2.** Xác định luận điểm của đoạn trích?

**1.3.** Tìm câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn in đậm?

**1.4.** Nội dung nghĩa hàm ẩn thể hiện trong câu*: “Vịt có giá trị của vịt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga.” là gì?*

**II. Vận dụng (6.0 điểm)**

**Câu 1. (1.0 điểm):** Viết một câu văn nhận xét về một nhân vật trong truyện cười mà em đã học (trong chương trình Ngữ văn 8 tập 1) trong đó có sử dụng trợ từ *(chỉ ra trợ từ và nêu công dụng).*

**Câu 2. (5.0 điểm):** Suy nghĩ về ý kiến: “Động vật hoang dã có vai trò rất lớn đối với cuộc sống con người và môi trường. Vì vậy, chúng ta cần lên án mạnh mẽ nạn săn bắt động vật hoang dã hiện nay.”

**----------------------------------**

**Đề 2**

**I. Đọc - hiểu (4.0 điểm). Đọc kĩ văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

# Ba đời dở hơi

*Bữa nọ, sắp đến giờ ăn, ông sai cháu cầm hai đồng tiền đi mua mắm và giấm. Đứa cháu liền hỏi:*

*- Đựng chung hay để riêng hai thứ, hở ông!*

*- Để riêng ra.*

*Cháu lại chìa hai cái bát ra:*

*- Thế bát nào đựng giấm, bát nào đựng mắm ạ? Ông cáu, mắng:*

*- Ngốc, bát nào chả thế.*

*Đứa cháu đi một hồi, quay về, hỏi:*

*- Ông ơi, đồng nào mua mắm, đồng nào mua giấm?*

*Tức quá, ông đánh cháu một cái. Cha đứa bé vừa đi làm về, thấy vậy liền giơ thẳng tay cứ mặt mình tát đôm đốp … Người ông ngạc nhiên hỏi:*

*- Mày điên hay sao vậy?*

*Người con đáp:*

*- Ông đánh con tôi thì tôi phải đánh con ông!*

*Người ông chạy vào buồng trong kiếm dây treo cổ. Cha đứa bé chạy theo, gỡ ra, hỏi cớ làm sao. Người ông giậm tím mặt:*

*- Mày đánh con ông, ông tha gì không treo cổ mày lên!*

*(Theo Truyện cười dân gian Việt Nam – SĐD)*

**Câu 1** (1.0 điểm). Văn bản trên thuộc thể loại nào? Kể tên một văn bản khác ở “Bài 4”, sách

“Chân trời sáng tạo” Ngữ văn 8, HKI cùng thể loại với văn bản này.

**Câu 2** (1.0 điểm). Chỉ ra cụ thể một “thủ pháp gây cười” mà tác giả dân gian đã sử dụng trong văn bản trên.

**Câu 3** (1.0 điểm). Nêu mục đích của văn bản trên. Ghi lại ít nhất hai chi tiết tiêu biểu thể hiện rõ mục đích mà em vừa nêu.

**Câu 4** (0.5 điểm). Qua văn bản, em rút ra bài học gì cho bản thân?

**Câu 5** (0.5 điểm). Xác định một trợ từ, một thán từ trong văn bản trên.

**II. Vận dụng (6.0 điểm):**

**Câu 1** (1.0 điểm). Viết một câu mang nghĩa hàm ẩn dùng để từ chối một đề nghị (ý kiến, yêu cầu, …) thiếu chuẩn mực.

**Câu 2** (5.0 điểm).

*Từ bao đời nay, thiên nhiên luôn là người bạn tử tế nhưng cũng vô cùng nghiêm khắc với con người. Nói về mối quan hệ này, có khá nhiều vấn đề được đặt ra. Có một số vấn đề sau:*

*- Rừng là người bạn tốt của con người; con người phải yêu mến, bảo vệ rừng.*

*- Bảo vệ nguồn nước chính là con người đang bảo vệ cuộc sống của mình.*

*- “Nói không” với vật dụng nhựa dùng một lần.*

Viết bài văn khoảng 500 - 700 chữ bày tỏ ý kiến của bản thân về một trong những vấn đề trên.

# HẾT